

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DỰ PHÒNG TRONG CÁC DOANH  
NGHIỆP VIỆT NAM HIỆN NAY**  
COMPLETE THE PROVISION OF ACCOUNTING  
BUSINESS IN VIETNAM NOW

***SVTH: Trần Thị Trâm***

*Lớp 09A2, Ngành Kế toán – Tin học*

***GVHD: ThS Nguyễn Linh Giang***

*Bộ môn Kế toán – Tin học, Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin*

**TÓM TẮT**

Dự phòng là việc xác nhận về phương diện kế toán, sự giảm giá trị của một tài sản hay một gia tăng công nợ, xác thực về bản chất nhưng mang tính ước tính về mặt giá trị. Để Việt Nam sớm hội nhập vào nền kinh tế thế giới, hệ thống kế toán Việt Nam được quốc tế thừa nhận và báo cáo tài chính trình bày được trung thực và hợp lý thì việc hoàn thiện kế toán dự phòng trong hệ thống kế toán Việt Nam là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay. Đề tài nhằm đi sâu nghiên cứu và đề xuất những giải pháp hoàn thiện các phương pháp trích lập và hạch toán dự phòng về giảm giá tài sản và dự phòng nợ phải trả trong kế toán Việt Nam.

**ABSTRACT**

Redundancy is the certification in terms of accounting, any reduction in value of an asset or an increase in liabilities, authentic in nature, but an estimate of the value. VietNam for early integration into the world economy, VietNam accounting system is internationally recognized and the financial statements presented are true and complete, the appropriate accounting reserve in the accounting system VietNam is one of the pressing issues today. Topics to be studied in depth and propose solutions to improve the flavor accounting measures appropriation and provision of discounted assets and liabilities in reserve accounting VietNam.

**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới của nền kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển. Cùng với việc phát triển của hệ thống kế toán Việt Nam, vấn đề trích lập và kế toán dự phòng ngày càng hoàn thiện. Gần đây nhất Bộ Tài Chính vừa ban hành thông tư 228/2009/TC-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, trong đó bổ sung thêm về dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa và công trình xây lắp. Tuy nhiên, so với chuẩn mực kế toán quốc tế về kế toán cũng như qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia phát triển như Mỹ, Pháp các quy định và hướng dẫn liên quan đến việc trích lập và kế toán dự phòng trong kế toán Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập. Vì vậy, việc hoàn thiện kế toán dự phòng trong kế toán Việt Nam là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay.

**2. Các loại dự phòng trong kế toán**

Nhằm cung cấp hình ảnh trung thực về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động

kinh doanh, tuân thủ nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc phù hợp, vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính, kế toán thường lập các loại dự phòng: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, dự phòng nợ khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải trả, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

### **3. Các chuẩn mực kế toán và thông tư hướng dẫn có liên quan đến dự phòng**

Các chuẩn mực cụ thể liên quan đến lập dự phòng có thể kể ra bao gồm: chuẩn mực VAS 02- Hàng tồn kho, chuẩn mực VAS 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

### **4. Phương hướng hoàn thiện kế toán dự phòng**

Trong những năm đầu triển khai thực hiện quyết định 1141TC/QĐ/CĐKT, các doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện bởi lẽ, các quy định còn nhiều bất cập. Sau quyết định 1141TC/QĐ/CĐKT, Bộ Tài chính lần lượt ban hành các thông tư hướng dẫn như: thông tư 64TC/TCDN ngày 15/9/1997, thông tư 107/ 2001/TT- BTC và gần đây nhất Bộ Tài Chính vừa ban hành thông tư 228/2009/TT-BTC.

Ngoài các thông tư hướng dẫn, Bộ Tài Chính còn ban hành các chuẩn mực kế toán có liên quan đến hạch toán dự phòng như: VAS 01 - Chuẩn mực chung, VAS 02 - Hàng tồn kho, VAS 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Mặc dù các chuẩn mực cũng như các thông tư hướng dẫn bước đầu phù hợp với thông lệ chung của quốc tế, nhưng các quy định hiện hành vẫn còn nhiều bất cập. Do vậy phương hướng chung nhằm hoàn thiện kế toán dự phòng là: Các quy định về kế toán dự phòng phải phù hợp với thông lệ quốc tế, phải học tập kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới trong việc ban hành các quy định liên quan đến dự phòng, các quy định kế toán về dự phòng phải phù hợp với đặc điểm của Việt Nam hiện nay.

### **5. Giải pháp hoàn thiện kế toán dự phòng trong ngắn hạn**

#### **5.1. Hoàn thiện kế toán dự phòng đầu tư dài hạn khác**

Theo thông tư 228/2009/TT-BTC, doanh nghiệp chỉ được lập dự phòng đối với chứng khoán dài hạn được tự do mua bán trên thị trường. Thế nhưng quy định hiện hành không đưa ra các hướng dẫn chi tiết về cơ sở để xác định giá thị trường. Ngoài ra, hướng dẫn cũng không tách bạch giữa trái phiếu và cổ phiếu. Dựa vào nội dung của IAS 39, cần bổ sung các hướng dẫn chi tiết hơn, mà cụ thể là:

##### **5.1.1. Cổ phiếu**

Đối với cổ phiếu có niêm yết, cần dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đối với cổ phiếu không niêm yết, cũng nên cho phép lập dự phòng vì khi có sự sụt giảm về giá về cổ phiếu nhưng không lập dự phòng sẽ dẫn đến vi phạm nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Cơ sở để xác định giá là dựa vào các trung tâm thẩm định giá có uy tín được nhà nước cấp phép hoạt động.

##### **5.1.2. Trái phiếu**

+ Nếu doanh nghiệp có ý định nắm giữ trong thời gian dài và bán trước ngày đáo hạn:

Đối với trái phiếu có niêm yết trên thị trường, cần dựa vào giá niêm yết. Nếu có sụt giảm cân lập dự phòng giảm giá có liên quan.

Đối với trái phiếu không niêm yết, có thể xác định giá thông qua trung tâm thẩm định giá đáng tin cậy.

+ Nếu có ý định nắm giữ cho đến ngày đáo hạn:

Nếu trái phiếu mua đúng với mệnh giá: trong trường hợp này không cần lập dự phòng.

Nếu trái phiếu mua không đúng với mệnh giá thì cơ sở tính là dựa vào phương pháp chiết khấu dòng tiền..

### *5.1.3. Về mốc thời gian làm căn cứ để xác định giá cho các chứng khoán niêm yết*

Thông thường giá được chọn là ngày giao dịch vào ngày đóng cửa vào 1 thời khóa hoặc vào ngày làm việc trước đó, hay vào ngày giao dịch liền kề (đối với trường hợp ngày cuối khóa ‘ngày 31/12’ rơi vào ngày cuối tuần hay ngày nghỉ).

## **5.2. Hoàn thiện kế toán dự phòng đầu tư ngắn hạn**

+ Đối với cổ phiếu có niêm yết, cần dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán.

+ Đối với cổ phiếu không niêm yết, cũng nên cho phép lập dự phòng vì khi có sự sụt giảm về giá cổ phiếu mà không lập dự phòng sẽ dẫn đến vi phạm nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Cơ sở để xác định giá là dựa vào các trung tâm thẩm định giá có uy tín được nhà nước cấp phép hoạt động.

+ Đối với trái phiếu có niêm yết trên thị trường chứng khoán, cần dựa vào giá niêm yết.

+ Đối với trái phiếu không niêm yết, IAS 39 cho rằng nếu không thể xác định giá trị một cách đáng tin cậy, cần tính theo giá gốc có chiết khấu. Giá gốc có chiết khấu được tính dựa trên lãi suất thực tế của thị trường.

## **5.3. Hoàn thiện kế toán dự phòng nợ khó đòi**

Trên cơ sở nghiên cứu và thu thập thông tin cho thấy các hướng dẫn trong quyết định và thông tư gần đây chưa đưa ra phương pháp tính một cách hợp lý về mức dự phòng. Việc tính mức dự phòng chỉ sử dụng cho mục đích tính thuế. Về phương diện kế toán, để phản ánh trung thực hợp lý khoản mục nợ phải thu, cần ước tính hợp lý dự phòng nợ khó đòi. Về bản chất, dự phòng nợ khó đòi sẽ được lập khi con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Việc ước tính này thường căn cứ vào kinh nghiệm trong quá khứ. Thế nhưng cho đến nay vẫn chưa có hướng dẫn về vấn đề này. Vì vậy, cần bổ sung các hướng dẫn về trích lập dự phòng. Để đưa ra các hướng dẫn chúng ta có thể dựa vào các phương pháp kế toán của Pháp và Mỹ.

Theo kế toán Mỹ, có 2 phương pháp ước tính thường được sử dụng là ước tính dựa trên tỷ lệ doanh thu và tính tuổi khoản nợ. Chúng ta có thể vận dụng 2 phương pháp này trong việc đưa ra các hướng dẫn có liên quan. Phương pháp tính dự phòng nợ khó đòi.

### *5.3.1. Ước tính dự phòng nợ khó đòi dựa trên doanh thu bán chịu của năm hiện hành nhân với tỷ suất ước tính về nợ không thu hồi được*

Theo phương pháp này, trước hết cần dựa vào số liệu quá khứ của doanh nghiệp về nợ

không thu hồi được để ước tính tỷ suất nợ không thu hồi được so với doanh thu bán chịu. Tỷ suất này sẽ sử dụng cho năm hiện hành để ước tính nợ không thu hồi được.

#### *5.3.2. Ước tính dự phòng nợ khó đòi dựa trên phương pháp tính tuổi nợ*

Để ước tính mức dự phòng, trước hết cần phân tích số dư tài khoản phải thu theo thời gian nợ. Sau đó, dựa trên kinh nghiệm quá khứ hay các số liệu thống kê qua nhiều năm về tỷ suất nợ không thu hồi được của từng nhóm để ước tính nợ không thu hồi được của năm hiện hành. Thông thường, nợ còn trong hạn thanh toán, tỷ suất nợ không thu hồi được khá thấp, nợ càng quá hạn, tỷ suất nợ không thu hồi được càng cao.

#### **5.4. Hoàn thiện kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Theo IAS 02, khi có sự sụt giảm giá nguyên vật liệu trên thị trường đưa đến giá thành sản phẩm (tính theo giá gốc nguyên vật liệu) cao hơn giá ban đầu, cần tiến hành lập dự phòng đối với nguyên vật liệu. Cơ sở để lập dự phòng là dựa vào giá bán ước tính của sản phẩm trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm đó hoặc giá phí thay thế. Giá phí thay thế là giá mua lại các nguyên liệu khi mua tại nhà cung cấp quen thuộc với số liệu quen thuộc. Vì vậy, để phù hợp với thông lệ quốc tế, nên cho phép doanh nghiệp sử dụng thêm phương pháp này để tính mức dự phòng cần lập vì đây là phương pháp đơn giản, dễ tính toán và có bằng chứng đáng tin cậy.

#### **5.5. Hoàn thiện kế toán dự phòng nợ phải trả**

+ Cần dựa vào các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc kì kế toán năm để ước tính mức dự phòng.

+ Cần bổ sung phần phụ lục: IAS 37 có phần phụ lục, trong đó trình bày chi tiết về các ví dụ minh họa, về điều kiện để lập và ghi nhận dự phòng nợ phải trả tiềm tàng.

### **6. Giải pháp hoàn thiện kế toán các khoản dự phòng trong lâu dài**

#### **6.1. Xây dựng chuẩn mực công cụ tài chính**

Hiện nay, do chưa có chuẩn mực công cụ tài chính. Vì vậy, phương pháp kế toán dự phòng đầu tư tài chính và dự phòng nợ khó đòi còn nhiều bất cập. Chuẩn mực kế toán giải quyết dự phòng đầu tư tài chính và dự phòng nợ khó đòi là chuẩn mực công cụ tài chính. Vì vậy về lâu dài cần xây dựng chuẩn mực công cụ tài chính giúp giải quyết một cách đầy đủ về các loại dự phòng này.

#### **6.2. Hoàn thiện chuẩn mực chung**

Cần bổ sung vào chuẩn mực chung phương pháp đánh giá các yếu tố trên báo cáo tài chính, mà cụ thể là nên cho phép áp dụng nhiều loại giá như: Hiện giá, giá trị thuần có thể thực hiện được, giá hiện hành.

### **7. Các giải pháp khác**

#### **7.1. Về phía nhà nước**

Đối với Bộ Tài Chính: Cần phải nghiên cứu các chuẩn mực kế toán quốc tế đồng thời tham khảo kinh nghiệm của các nước tiên tiến, từ đó vận dụng sao cho phù hợp với nền kinh tế

Việt Nam.

Đối với cơ quan thuế các cấp: Cần phải nâng cao trình độ kế toán của cán bộ thuế.

### **7.2. Đối với Hội kế toán**

- Cần khuyến khích, động viên những người làm công tác kế toán tại các doanh nghiệp tham gia Hội kế toán.

- Làm tham mưu cho Bộ Tài chính trong việc soạn thảo các chuẩn mực kế toán cũng như các thông tư hướng dẫn.

- Phối hợp với Cục thuế thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ thuế, và các kế toán trưởng của các doanh nghiệp.

- Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp trong việc thực hiện chế độ kế toán hiện hành.

### **7.3. Về Phía Doanh Nghiệp**

- Nên từ bỏ thói quen tổ chức công tác kế toán theo kiểu đối phó với cơ quan thuế.

- Phải có đội ngũ kế toán chuyên nghiệp có trình độ tương ứng với công việc mà họ đảm nhận. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên kế toán học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Cần thường xuyên tổ chức các buổi huấn luyện để nâng cao trình độ nhân viên kế toán.

## **8. Kết luận**

Để phù hợp thông lệ kế toán quốc tế, hệ thống kế toán Việt Nam cần có một số sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Để hoàn thiện, ngoài việc kế thừa hệ thống kế toán quốc tế mà còn phải học tập kinh nghiệm từ các nước có trình độ kế toán phát triển lâu đời. Từ đó, chọn lọc và vận dụng sao cho vừa phù hợp với thông lệ chung của thế giới vừa thích nghi với đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của nước ta. Đây là việc làm đòi hỏi rất nhiều nỗ lực và thời gian không những từ phía nhà nước mà còn cả đối với Hội nghề nghiệp và những người làm công tác kế toán.

Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu thông tin về vấn đề trích lập dự phòng trong kế toán cùng với việc tham khảo những kinh nghiệm về phương pháp trích lập dự phòng của các nước trên các báo, đối chiếu với những thực trạng ở Việt Nam thì đề tài đã đề xuất được một số giải pháp hoàn thiện về việc trích lập và hạch toán dự phòng trong kế toán Việt Nam.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Tiến sĩ Nguyễn Thị Đông (1999), *Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán trường đại học kinh tế quốc dân TP HCM*, NXB tài chính.
- [2] Chuẩn mực VAS 02 và VAS18.
- [3] Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.